

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/DS-PT

Ngày: 01-02-2021

V/v Tranh chấp về bồi thường thiệt
hại do sức khỏe bị xâm phạm.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Hùng

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Châu Thạch

Ông Đặng Ngọc Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Khánh Thành là thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Võ Thị Kim Anh
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2021/TLPT-DS ngày 05 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 65/2020/DS-ST ngày 23/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 21/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1964

Trú tại: Tổ dân phố Đông Đa, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (có mặt)

- Bị đơn: Ông Phạm Trung H, sinh năm 1965

Trú tại: Tổ dân phố Đông Đa, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (có mặt)

- Người làm chứng:

+ Ông Tăng Văn T, sinh năm 1966

Trú tại: Tổ dân phố Đông Đa, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (có mặt)
+ Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1955

Trú tại: Tổ dân phố Đông Đa, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:

Vào khoảng 13 giờ ngày 29/7/2016 bà S vừa đi hái dâu về đang đứng bên kia đường gần nhà ông Nguyễn Hữu Hạnh thì ông Phạm Trung H chửi và xúc phạm bà S vì cho rằng bà S ăn vạ lấy tiền. Lúc đó ông Nguyễn Hữu Hạnh có nói với bà S là có chích cây thì vào chích cây cùng với ông H, bà S có nói lại chích cây thì chích chứ chích người thì sida tám tầng. Lúc đó ông H vẫn chửi bà S, do bức xúc nên bà S cầm chiếc dép đập vào sườn ông H thì ông H tránh được nên bà S bị ngã. Sau đó ông H túm tóc đánh bà S, ông H đè bà xuống, chân ông H dẫm vào chân bà, tay ông H túm tóc đè đầu bà xuống đánh vào đầu, đấm vào ngực, bả vai, tay, chân bà S nên bà S bị thương tích. Sau đó ông Nguyễn Hữu Hạnh, ông Tăng Văn Thủy và cháu Nguyễn Văn Khánh chạy vào lôi ông H ra. Bà S được đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện L.

Sau khi sự việc xảy ra bà S có yêu cầu Công an huyện L khởi tố vụ án và bà S được đưa đi giám định thương tích, kết luận bà S bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 21% nhưng cơ quan Công an không khởi tố vụ án, lý do không đủ căn cứ cấu thành tội “Vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác”. Sau khi gây thương tích cho bà S thì ông H vẫn không bồi thường thiệt hại, không thăm hỏi động viên xin lỗi bà S. Vì vậy, bà S khởi kiện yêu cầu ông H phải bồi thường thiệt hại cho bà S tổng số tiền 47.514.000đồng gồm: Tiền thuốc và chữa trị là 4.014.000đồng; Tiền xe đi viện là 2.000.000đồng; Tiền công 01 người phải chăm sóc bà S trong 02 tháng tính từ ngày nằm viện là 10.000.000đồng; Tiền tổn thất tinh thần ngay sau khi mới bị thương trong ba tháng đầu là 21.000.000đồng; Tiền tổn thất tinh thần trong 07 tháng tiếp theo chưa ổn định là 10.500.000đồng. Ngoài ra, bà S không yêu cầu khoản bồi thường nào khác.

Bị đơn ông Phạm Trung H trình bày: Ngày 29/7/2016 ông H đang đào cây cảnh tại nhà ông Nguyễn Hữu Hạnh cùng với ông Tăng Văn Thủy. Một lúc sau bà S đang đi ngoài đường thì ông Hạnh nói đùa với bà S là vào chọc cây cùng với ông H thì bà S đi vào, bà S chửi và xúc phạm ông H nên ông H có chửi lại. Bà S nhìn thấy cái bay dùng để xây nằm gần đó nên bà S cầm cái bay lao

vào đâm ông H. Thấy vậy ông Thủy giữ cái bay trên tay của bà S lại, bà S tiếp tục lao vào túm bộ phận nhạy cảm của ông H thì ông Hạnh lôi ông H ra nên ông H có dùng tay đẩy bà S ra xa. Ông Hạnh lôi ông H vào đến cửa nhà của nhà ông Hạnh thì cùng thời điểm đó vợ ông H là bà Phạm Thị Thủy qua bảo ông H về. Khi ông H quay lưng đi thì bà S còn cầm cục đá ném vào vợ chồng ông bà nhưng không trúng. Sự việc xô xát chỉ diễn ra khoảng 10 phút và ông H không gây thương tích cho bà S. Từ khi vụ việc xảy ra trước đến nay ông H chưa bồi thường cho bà S đồng nào vì ông không có lỗi. Nay bà S khởi kiện yêu cầu ông H bồi thường thiệt hại về sức khỏe tổng số tiền 47.514.000đồng thì ông H không đồng ý vì ông không gây thương tích cho bà S. Ngoài ra ông không còn yêu cầu gì khác.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 65/2020/DSST ngày 23/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện L tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S đối với ông Phạm Trung H. Về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm.

Buộc ông Phạm Trung H phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị S số tiền 6.571.500đồng (Sáu triệu năm trăm bảy mươi một ngàn năm trăm đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/11/2020, bị đơn ông Phạm Trung H kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay ông H đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn sửa bản án dân sự sơ thẩm số 65/2020/DSST ngày 23/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện L.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định.

Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đầy đủ giấy báo của Tòa án, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và qua tranh tụng công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm số 65/2020/DSST ngày 23/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Phạm Trung H trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Xuất phát từ việc xô xát giữa bà Nguyễn Thị S và ông Phạm Trung H, dẫn đến việc bà S bị thương tích cơ thể là 21% (Theo kết luận tại Quyết định số 81 ngày 29/5/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L), do đó bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H phải bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm với tổng số tiền là 47.514.000đồng. Ông H không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà S nên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm” là đúng quy định của pháp luật về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và cũng xác định đúng, đầy đủ tư cách của các đương sự trong vụ án.

[3] Về nội dung vụ án và kháng cáo của ông Phạm Trung H, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[3.1] Do có mâu thuẫn từ trước giữa gia đình bà S và gia đình ông H nên ngày 29/7/2016 tại nhà ông Nguyễn Hữu Hạnh có ông H và ông Tăng Văn Thủy đang đào cây cảnh về trồng, lúc đó bà S đi ngang qua thì ông Hạnh có nói đùa với bà S là vào đào cây cùng với ông H thì bà S có những lời nói bóng gió chưa đúng mực nên ông H cũng dùng những lời lẽ thiếu tế nhị đối với bà S. Do không kiềm chế được bản thân nên hai bên có xảy ra xô xát, dẫn đến bà S bị thương tích, phải nhập viện điều trị và kết quả giám định pháp y về thương tích kết luận bà S bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 21%. Tại Quyết định số 81 ngày 29/5/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L quyết định không khởi tố vụ án hình sự, với lý do ông H có lỗi vô ý gây thương tích cho bà S và tỷ lệ tổn

thương cơ thể là 21% nên không đủ yếu tố để cấu thành tội “Vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác”.

Qua xem xét các tài liệu chứng cứ và lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án thể hiện, sau khi sự việc xô xát giữa bà S và ông H xảy ra thì Công an thị trấn N và Công an huyện L đã lấy lời khai của ông H, bà S cùng những người chứng kiến sự việc là ông Nguyễn Hữu Hạnh, ông Tăng Văn Thủy và anh Nguyễn Văn Khánh đều thể hiện ông H đã có hành vi xâm phạm đến sức khỏe của bà S. Cụ thể: Tại biên bản lấy lời khai của cơ quan Công an (BL 48 và 57) ông Hạnh khai “...*Khi tôi và ông Thủy đẩy ông H ra thì tay ông H vẫn túm chặt tóc bà S nên khi ông H bị đẩy lùi thì bà S cũng bị kéo theo và lúc này phần chân của bà S bị lết trên nền cổng của tôi, nền cổng của tôi lúc này có đất, gạch nằm ngổn ngang, ông H kéo theo bà S khoảng 1m thì lúc này tôi bấm nách ông H thì ông H buông tay khỏi tóc bà S...*”. Tại biên bản lấy lời khai của cơ quan Công an anh Nguyễn Văn Khánh khai (BL 59) “... *khi tôi ra can thì ông H vẫn túm tóc và áo của bà S nên khi lùi lên thì bà S cũng bị kéo theo, bà S cũng túm vào người của ông H.. tôi không thấy ông H dùng chân để đá, đánh bà S...*”. Tại Biên bản lấy lời khai của cơ quan Công an (BL 45) ông Tăng Văn Thủy khai “... *Khi tôi quay lại thì thấy ông H đang vật bà S. Lúc đó tôi, ông Hạnh và Khánh con trai ông Hạnh ra lôi ông H ra thì sự việc kết thúc*”. Đồng thời, tại bản tường trình ngày 30/7/2019 của ông H (BL 41) và tại biên bản lấy lời khai ngày 30/7/2017 của Công an thị trấn N (BL 44) ông H cũng khai “...*tôi có túm tóc bà S giật ra, tôi có đè bà S xuống sân nhà ông Hạnh, tôi liền túm tóc bà S ấn xuống sân một lúc thì ông Hạnh, ông Thủy, cháu Khánh đẩy tôi ra ...*” tại biên bản lấy lời khai ngày 18/8/2016 của Công an huyện L (BL 56) ông H khai “... *ông Hạnh ôm tôi từ phía sau thì tôi vừa lùi vừa dùng tay đẩy đầu bà S ra, lùi khoảng 1m thì bà S ngã ra sân nhưng vẫn lao vào người tôi...tôi dùng tay túm tóc bà S giật ra, đồng thời ấn đầu bà S xuống nền sân...*”. Đồng thời, bà S và ông H cũng như ông Thủy, ông Hạnh và anh Khánh đều khai lúc xảy ra sự việc thì nhà ông Hạnh đang đào cây cảnh để trồng nên đất, đá, cuốc, xẻng, chậu cây, cây... nằm ngổn ngang trên nền sân bê tông. Những người chứng kiến sự việc đều khẳng định không nhìn thấy ông H đâm, đá bà S hay dùng vật gì để đánh bà S mà ông H có dùng tay túm tóc, ấn đầu bà S xuống nền sân và có kéo lê bà S trên nền sân bê tông. Vì vậy, có thể trong quá trình hai bên giằng co, ông H kéo lê bà S nên đã vô ý va vào các dụng cụ đào cây, đất đá và sân này bằng bê tông dẫn đến bà S bị

gãy xương bàn chân. Như vậy, thực tế hai bên có xảy ra xô xát và tại giấy chứng nhận thương tích ngày 03/8/2016 của Trung tâm y tế huyện L, là thời điểm bà S nhập viện ngay sau khi xảy ra xô xát thì cũng thể hiện chụp X- Quang: Gãy xương bàn II, III, IV chân phải, chứ không phải bà S bị gãy xương một thời gian sau đó. Ngoài ra, theo giấy ra viện thể hiện bà S bị tổn thương khác nhiều vùng cơ thể, đa thương tích chứ không phải nhập viện chỉ điều trị gãy xương bàn chân.

Tuy nhiên, để xảy ra sự việc xô xát nói trên cũng có một phần lỗi của bà S. Bắt nguồn từ mâu thuẫn giữa gia đình bà S và gia đình ông H đã có từ trước, tuy sự việc đã được chính quyền địa phương giải quyết nhưng giữa ông H và bà S vẫn còn hiềm khích, nên trước việc trêu đùa của người khác bà S đã không làm chủ được bản thân mà liền nổi nóng và chửi bóng gió, ngầm ý chửi ông H. Do hiểu ý của bà S chửi mình và bực tức nên ông H mới phản ứng lại. Bà S cũng là người lao vào ẩu đả, tấn công ông H trước, khi được mọi người can ngăn lôi ông H ra thì bà S vẫn cố lao vào để hơn thua với ông H. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bà S đều thừa nhận, trước đây hai bên gia đình có mâu thuẫn đã được giải quyết xong nhưng hai bên vẫn không hài lòng về nhau, do mâu thuẫn âm ỉ tích tụ lâu ngày nên đến ngày 29/7/2016 bà S mới bực tức và có những lời lẽ, hành động không đúng nên trong sự việc này bà S thừa nhận mình cũng có một phần lỗi. Do đó, khi xem xét cũng phải đánh giá tổng hòa các yếu tố và nguyên nhân dẫn đến sự việc để đảm bảo quyền lợi của bà S nhưng vẫn phải đảm bảo quyền lợi của ông H. Bà S cũng phải chịu một phần trách nhiệm đối với thương tích của bản thân mình. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định lỗi trong vụ án này của bà S là 50% và lỗi của ông H là 50% để tính toán mức bồi thường là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[3.2] Đối với phần bà S yêu cầu ông H phải bồi thường do sức khỏe bị xâm phạm, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các giấy tờ liên quan đến việc khám chữa bệnh của bà S, tiến hành xác minh cụ thể các chi phí thực tế và tính mức độ lỗi của các bên đương sự trong vụ án để xác định số tiền bồi thường là hoàn toàn đúng đắn, phù hợp quy định pháp luật do đó cần được chấp nhận.

Từ những phân tích, nhận định trên, xét thấy nội dung kháng cáo của bị đơn ông Phạm Trung H đối với bản án dân sự sơ thẩm số 65/2020/DSST ngày 23/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện L là không có cơ sở nên không chấp

nhận kháng cáo của ông H.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên buộc ông Phạm Trung H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền ông H phải bồi thường cho bà S.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị S đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận vì vậy bị đơn ông Phạm Trung H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Trung H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 62/2020/DSST ngày 23/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S đối với ông Phạm Trung H về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm.

Buộc ông Phạm Trung H phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị S số tiền 6.571.500đồng (Sáu triệu năm trăm bảy mươi một ngàn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc ông Phạm Trung H phải chịu 328.500 (Ba trăm hai mươi tám ngàn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền đã đóng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số AA/2016/0014952 ngày 04/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Phòng KTNV&THA;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Mạnh Hùng

[4] Từ những phân tích trên xét thấy nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Khuyên đối với bản án dân sự sơ thẩm là có cơ sở chấp nhận. Cần sửa bản án dân sự sơ thẩm số 37/2020/DSST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Lan.

[3.2] Về yêu cầu bồi thường: Bà S yêu cầu ông H phải bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm số tiền 47.514.000đồng trong đó: Tiền thuốc và chữa trị là 4.014.000đồng; Tiền xe đi viện là 2.000.000đồng; Tiền công 01 người phải chăm sóc bà S trong 02 tháng và tiền thu nhập thực tế bà S bị mất là 10.000.000đồng; Tiền tổn thất tinh thần ngay sau khi mới bị thương trong ba tháng đầu là 21.000.000đồng; Tiền tổn thất tinh thần trong 07 tháng tiếp theo chưa ổn định là 10.500.000đồng.

Qua xem xét các khoản yêu cầu bồi thường bà S đưa ra thì Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Đối với khoản tiền thuốc và chi phí chữa trị bà S yêu cầu bồi thường số tiền là 4.014.000đồng, nhưng chứng cứ bà S xuất trình thì tổng cộng các hóa đơn điều trị chỉ 1.863.196đồng gồm: Hóa đơn ngày 29/7/2016 là 204.000đồng (BL 03); Hóa đơn ngày 03/8/2016 là 365.440đồng (BL 04); Biên lai ngày 15/8/2016 là 12.000đồng (BL 05); Hóa đơn ngày 16/8/2016 là 33.500đồng (BL 07); Hóa đơn ngày 23/8/2016 là 227.756đồng (BL 08); Hóa đơn chụp X-Quang ngày 12/9/2016 là 33.500đồng (BL 10); Hóa đơn ngày 23/9/2016 là 57.000đồng (BL 11); Đơn thuốc ngày 23/9/2016 là 145.000đồng (BL 12); Đơn thuốc ngày 28/9/2016 của Quầy thuốc 12- L là 305.000đồng (BL 13); Đơn thuốc ngày 06/10/2016 của Quầy thuốc 12- L là 480.000đồng (BL 15). Trong các hóa đơn này đều là hóa đơn của Trung tâm y tế huyện L chỉ có đơn thuốc ngày 28/9/2016

và ngày 06/10/2016 của Quầy thuốc 12- L thể hiện mua thuốc hoạt huyết nhất nhất, Beroca, Panadol, pharmaton... 02 hóa đơn này đều mua trong khoảng thời gian bà S phải điều trị bệnh, do bà S có bị tác động vùng đầu, đa chấn thương cơ thể nên việc mua thêm thuốc bổ, thuốc đề kháng, giảm đau ... là cần thiết. Xét thấy, đây là các chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe nên cần chấp nhận tiền thuốc theo hóa đơn là phù hợp.

Bà S cho rằng bà S có chữa ngoài là 1.197.000đồng và ăn uống sinh hoạt là 1.200.000đồng nhưng bà S không nộp chứng cứ chứng minh nên không chấp nhận hai khoản này theo yêu cầu của bà S.

- Đối với khoản tiền xe đi viện thì bà S yêu cầu bồi thường 2.000.000đồng gồm: Tiền xe đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện L ngày 29/7/2016 là 300.000đồng, tiền xe ra viện ngày 03/8/2020 là 300.000đồng; tiền xe ngày 16/8//2016 đi Trung tâm y tế để bó lại vết thương là 300.000đồng, ngày 20/8/2016 ra viện là 300.000đồng; Ngày 12/9/2016 đi Trung tâm y tế để chụp kiểm tra vết thương là 400.000đồng do tài xế phải chờ; Ngày 06/10/2016 đi tái khám lượt đi và về là 400.000đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bà S không xuất trình hợp đồng hay vé xe chứng minh số tiền từng lượt đi. Qua xem xét chứng cứ thì thực tế bà S có đi nhập viện và điều trị các lượt đi như trên và các lượt đi như trên là cần thiết cho việc chữa trị nên cần chấp nhận tiền xe của 08 lượt mà bà S đã đi. Nhưng qua xác minh thực tế giá xe Taxi đi từ tổ dân phố Đống Đa đến Trung tâm y tế huyện L là 200.000đồng một lượt, nên tổng cộng 08 lượt đi (bao gồm lượt đi và và lượt về) được chấp nhận là 1.600.000đồng.

- Đối với khoản tiền công 01 người phải chăm sóc bà S và tiền thu nhập thực tế bà S bị mất trong 03 tháng là 10.000.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy theo lời khai và chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện bà S nhập viện lần thứ nhất từ ngày 29/7/2016 đến ngày 03/8/2016 thì ra viện là 05 ngày; nhập viện lần thứ hai là ngày 16/8/2016 đến ngày 20/8/2016 thì ra viện là 04 ngày; ngày 12/9/2016 bà S chụp X-Quang và ngày 06/10/2016 bà S đi tái khám. Như vậy thực tế bà S đi viện là 11 ngày nên chỉ chấp nhận công người chăm sóc trong 11 ngày, theo bà S và kết quả xác minh tại địa phương thì công lao động là 200.000đồng/ngày nên chỉ chấp nhận công người chăm sóc với số tiền là 2.200.000đồng.

Đối với khoản tiền thu nhập thực tế của bà S bị mất trong thời gian điều

trị bệnh thì tại phiên tòa, bà S khai bà phải bó bột bàn chân hết 1,5 tháng thì khỏi bệnh và một tháng bà S thu nhập 3.000.000đồng nên chỉ xem xét thu nhập thực tế của bà S bị mất trong 1,5 tháng là 4.500.000đồng

- Đối với khoản tiền tổn thất tinh thần thì bà S yêu cầu bồi thường 31.500.000đồng gồm tiền tổn thất tinh thần ngay sau khi mới bị thương trong ba tháng đầu là 21.000.000đồng và tiền tổn thất tinh thần trong 07 tháng tiếp theo chưa ổn định là 10.500.000đồng. Xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 609 Bộ luật Dân sự năm 2005 (nay là khoản 2 Điều 690 Bộ luật Dân sự năm 2015) quy định “*người chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp sức khỏe của người khác bị xâm phạm phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều này và một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất tinh thần mà người đó gánh chịu*” mà không tính đến yếu tố lỗi, hay tính lỗi cố ý hay lỗi vô ý nên bà S yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần là có cơ sở. Tuy nhiên, trong vụ án này bà S là người lao vào đánh ông H trước, bà S cũng có lỗi còn ông H có lỗi vô ý dẫn đến thương tích cho S nên bà S yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần với số tiền 31.500.000đồng là quá cao nên chỉ chấp nhận 02 tháng lương cơ sở do nhà nước quy định là 2.980.000đồng (1.490.000đồng/tháng x 02 tháng). Tổng chi phí cần phải bồi thường là 13.143.196đồng. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên để xảy ra sự việc này thì lỗi của bà S là 50% và lỗi của ông H là 50% nên ông H chỉ phải bồi thường cho bà S $\frac{1}{2}$ tương đương với số tiền 6.571.598đồng (13.143.196đồng/ 2), làm tròn thành 6.571.500đồng.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Hữu Nhân Huỳnh Châu Thạch

Đỗ Mạnh Hùng

Do đó việc bà Lan yêu cầu Tòa án buộc bà Khuyên phải trả tiền mà bà Khuyên đã vay của bà Lan là không có căn cứ chấp nhận.

Sau khi bà Khuyên nhận số tiền 475.000.000đ của bà Lan trả nợ thay cho bà Thìn (là con dâu của bà Lan) thì bà Khuyên đã báo sự việc cho bà Thìn biết là bà Lan đã trả 475.000.000đ cho bà Thìn và bà Nguyễn Thị Thìn cũng viết giấy xác nhận có vay của bà Khuyên số tiền 690.000.000đồng, cũng như được bà Lan trả số tiền 475.000.000đ (BL56). Còn việc đưa tiền cụ thể ở đâu, như thế nào thì bà Thìn không chứng kiến. Bên cạnh đó, việc bà Lan đưa tiền cho bà Khuyên từ tháng 3 năm 2016, thời hạn vay là 07 ngày, tuy nhiên đến tháng 12/2019 (sau hơn 3 năm) bà Lan mới nộp đơn khởi kiện bà Khuyên, xét trên thực tế là không phù hợp về thời gian, điều kiện hoàn cảnh thực tế. Hơn nữa việc bà Thìn khai nợ bà Khuyên 690.000.00 đồng vào năm 2015 do không trả trước nên có thỏa thuận và nói bà Lan (là mẹ chồng) trả thay là phù hợp với diễn biến sự việc và các tài liệu chứng cứ và lời khai tại phiên tòa sơ thẩm ngày 16 tháng 9 năm 2020. Căn cứ vào giấy biên nhận tiền ngày 21/3/2016 giữa bà Lan với bà Khuyên, Giấy xác nhận nợ ngày 15/9/2019 giữa bà Thìn với bà Khuyên và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét thấy việc trình bày của bà Khuyên là đúng sự thật, phù hợp cần được chấp nhận.

[3.2] Về tiền lãi: Theo trình bày của nguyên đơn thì lãi suất hai bên thỏa thuận với nhau là 1.000đồng/triệu/ngày, thời hạn vay 07 ngày, mục đích vay để đáo hạn Ngân hàng. Về phía bị đơn bà Khuyên cho rằng bà Lan trả tiền cho con dâu (bà Nguyễn Thị Thìn) nên không có việc thỏa thuận lãi suất hay xác định thời hạn vay và mục đích đưa tiền cho bà Khuyên đáo hạn ngân hàng là không đúng. Xét giấy biên nhận tiền ngày 21/3/2016 không thể hiện nội dung về lãi suất, thời hạn vay cũng như mục đích vay, nội dung giấy biên nhận cũng không thể hiện nội dung bà Lan cho bà Khuyên vay tiền do đó không có cơ sở để tính lãi suất vay theo yêu cầu của bà Lan.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 158 và Điều 164 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Khuyên. Giữ bản án sơ thẩm số 37/2020/DSST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Lan về việc buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Khuyên phải trả số tiền 475.000.000đ.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Phạm Thị Lan nộp số tiền 4.000.000đ (đã quyết toán xong); bà Nguyễn Thị Khuyên nộp số tiền 1.020.000đ (đã quyết toán xong).

3. Về án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Lan được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị Lan 18.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2016/0019489 ngày 23/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị Lan được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Khuyên số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số **AA/2017/0004652 ngày 13/10/2020** của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Hữu Nhân Huỳnh Châu Thạch

Đỗ Mạnh Hùng

Ông Phạm Trung H cho rằng: ông không có lỗi trong sự việc trên, kết luận giám định pháp y về thương tích số 178/2016/TgT ngày 06/10/2016 của Trung tâm pháp y – Sở Y tế Lâm Đồng kết luận bà S bị gãy xương bàn 2,3,4 chân phải, các tổn thương khác đã lành, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích

gây nên hiện tại là 21%, tổn thương do vật tày gây nên nhưng toàn bộ hồ sơ không chứng minh được ông H dùng hung khí hay vật gì tác động đến sức khỏe của bà S. Đồng thời, bà S là người có lỗi và gây sự trước, ông H chỉ túm tóc, túm cổ áo bà S nên kết luận là mâu thuẫn. Hơn nữa, trong giấy ra viện thể hiện không có ngón chân nào bị gãy, trong phiếu chụp X- Quang cũng không ghi bà S bị gãy chân, sau đó một thời gian chụp X- Quang lại thì lại thể hiện bà S bị gãy xương bàn chân do vật tày gây nên. Vì vậy thương tích của bà S không phải do ông H gây nên, mà thương tích này có thể xảy ra sau đó nên ông H không phải bồi thường.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nhất trí với bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xác định quan hệ tranh chấp là đòi tài sản vì không phải là uan hệ vay nợ. Bị đơn kh

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

